

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05-37
Bảng cân đối kế toán	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-37

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 01 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Đăng Lanh	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Văn Đại	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	Bổ nhiệm từ ngày 14/07/2015
Ông Trần Nhân Nghĩa	Ủy viên	Miễn nhiệm từ ngày 25/06/2015

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Công Tuấn	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Công Hùng	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 16/01/2015
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó Giám đốc	
Ông Lê Công Viên	Phó Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Len	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 29/01/2015
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 29/01/2015
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 01/07/2015
Ông Quán Thanh Sơn	Thành viên	
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 15/07/2015

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Công Tuấn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015



Số: 1259 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng các Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		213.039.703.553	209.795.236.850
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	14.022.201.795	15.824.868.599
111	1. Tiền		14.022.201.795	9.824.868.599
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	6.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	250.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		129.909.528.335	115.162.288.603
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	110.857.128.318	106.234.469.109
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.911.722.000	3.765.814.401
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	13.745.446.416	5.766.773.492
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(604.768.399)	(604.768.399)
140	IV. Hàng tồn kho	8	68.857.973.423	77.806.723.564
141	1. Hàng tồn kho		68.879.010.955	77.827.761.096
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.037.532)	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	1.001.356.084
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	-	230.944.150
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	770.411.934
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		67.841.951.791	64.585.445.506
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		230.109.581	196.496.190
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	230.109.581	196.496.190
220	II. Tài sản cố định		63.596.671.681	60.888.201.742
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	63.596.671.681	60.888.201.742
222	- Nguyên giá		100.087.802.459	92.914.048.823
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(36.491.130.778)	(32.025.847.081)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.392.843.866	1.213.907.221
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	2.392.843.866	1.213.907.221
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1.622.326.663	2.286.840.353
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.622.326.663	2.286.840.353
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280.881.655.344	274.380.682.356

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		208.169.100.238	207.679.048.385
310	I. Nợ ngắn hạn		191.663.731.212	195.244.044.609
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	31.581.482.786	35.791.913.683
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		17.649.806.797	48.855.307.235
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	9.714.011.267	7.639.818.764
314	4. Phải trả người lao động		8.589.877.709	9.519.736.721
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	6.913.608.348	4.220.819.602
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.115.812.899	2.187.245.277
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	111.974.968.923	86.445.241.996
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.124.162.483	583.961.331
330	II. Nợ dài hạn		16.505.369.026	12.435.003.776
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	16.505.369.026	12.435.003.776
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.712.555.106	66.701.633.971
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	72.712.555.106	66.701.633.971
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		50.000.000.000	50.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		4.722.740.999	3.534.309.465
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.989.814.107	13.167.324.506
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		10.994.462.820	5.024.447.612
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		6.995.351.287	8.142.876.894
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		280.881.655.344	274.380.682.356

[Signature]

[Signature]



Lê Thị Thu Hiền
Người lập

Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng

Hoàng Công Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9


Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	158.417.380.287	83.029.921.695
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	18.727.490
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		158.417.380.287	83.011.194.205
11	4. Giá vốn hàng bán	20	137.795.481.891	70.848.511.468
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.621.898.396	12.162.682.737
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21.735.139	21.965.349
22	7. Chi phí tài chính	22	5.009.697.521	3.023.616.535
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.009.697.521	3.023.616.535
25	8. Chi phí bán hàng		36.000.000	82.000.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.658.385.244	5.832.645.683
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.939.550.770	3.246.385.868
31	11. Thu nhập khác	24	56.847.728	40.365.200
32	12. Chi phí khác	25	21.839.541	30.078.144
40	13. Lợi nhuận khác		35.008.187	10.287.056
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.974.558.957	3.256.672.924
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	1.979.207.670	723.085.235
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>6.995.351.287</u>	<u>2.533.587.689</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	1.170	461
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	28	644	461


Lê Thị Thu Hiền
Người lập


Đào Gia Thắng
Kế toán trưởng




Hoàng Công Tuấn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		8.974.558.957	3.256.672.924
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.546.283.697	3.171.677.490
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(78.007.866)	(43.215.349)
06	- Chi phí lãi vay		5.009.697.521	3.023.616.535
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.452.532.309	9.408.751.600
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(14.010.441.189)	8.205.626.765
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8.948.750.141	(8.953.101.420)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(29.738.318.437)	2.710.046.684
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		895.457.840	(646.260.389)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(5.000.828.230)	(3.064.272.251)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.900.000.000)	(2.050.000.000)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(444.229.001)	(390.736.400)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(22.797.076.567)	5.220.054.589
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.604.690.281)	(5.969.220.235)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.272.728	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(250.000.000)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		21.735.139	21.965.349
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(8.605.682.414)	(5.947.254.886)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		123.830.867.817	72.193.457.774
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(94.230.775.640)	(82.122.148.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(2.450.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.600.092.177	(12.378.690.226)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.802.666.804)	(13.105.890.523)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2015	2014
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		15.824.868.599	18.344.952.319
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	3	14.022.201.795	5.239.061.796

Lê Thị Thu Hiền
Người lậpĐào Gia Thắng
Kế toán trưởngHoàng Công Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 01 năm 2015.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 50 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2015 là 50.000.000.000 đồng; tương đương 5.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thùy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn công trình nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chỉ trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần công trình đã hoàn thành nghiệm thu trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.379.212.192	475.116.467
Tiền gửi ngân hàng	12.642.989.603	9.349.752.132
Các khoản tương đương tiền	-	6.000.000.000
	<u><u>14.022.201.795</u></u>	<u><u>15.824.868.599</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	-	-
	<u><u>250.000.000</u></u>	<u><u>250.000.000</u></u>	<u><u>-</u></u>	<u><u>-</u></u>

Hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam số 01/2015/283367/HĐTĐ ngày 06/05/2015, số tiền gửi 250.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng từ 06/05/2015 đến 06/05/2016. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn dùng để thế chấp khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- VP đại diện TCT Sông Đà - Ban điều hành DA TĐ Lai Châu	14.141.845.548	14.141.845.548
- Công ty CP Licogi 13	41.055.766.643	54.943.559.157
- Công ty CP Sông Đà 5	17.275.902.693	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	38.383.613.434	37.149.064.404
	<u><u>110.857.128.318</u></u>	<u><u>106.234.469.109</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
6 . PHẢI THU KHÁC				
a) Ngắn hạn				
- Tạm ứng	13.745.446.416	-	5.766.773.492	-
- Ký cược, ký quỹ	8.936.031.692	-	3.589.082.553	-
- Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	13.000.000	-	13.000.000	-
- Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	2.999.087.711	-	1.017.633.393	-
- Phải thu khác	633.123.221	-	302.279.483	-
	1.164.203.792	-	844.778.063	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	230.109.581	-	196.496.190	-
	230.109.581	-	196.496.190	-
	13.975.555.997	-	5.963.269.682	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

7 . NỢ XẤU

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	719.830.762	115.062.363	719.830.762	115.062.363
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266.288.815	-	266.288.815	-
- Công ty CAVICO VN xây dựng giao thông	70.000.737	-	70.000.737	-
Các khoản khác	383.541.210	115.062.363	383.541.210	115.062.363
	<u>719.830.762</u>	<u>115.062.363</u>	<u>719.830.762</u>	<u>115.062.363</u>

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.964.496.905	(21.037.532)	6.910.015.793	(21.037.532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.914.514.050	-	70.917.745.303	-
	<u>68.879.010.955</u>	<u>(21.037.532)</u>	<u>77.827.761.096</u>	<u>(21.037.532)</u>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công trình QL1 - Phú Yên	10.460.963.320	10.460.963.320	6.853.461.220	6.853.461.220
- Dự án cải tạo cửa sông Ninh Cơ	11.084.171.155	11.084.171.155	13.993.219.199	13.993.219.199
- Công trình Bắc Mê - Hà Giang	4.361.692.463	4.361.692.463	2.077.209.123	2.077.209.123
- Công trình Thủy điện Lai Châu	5.536.459.495	5.536.459.495	5.536.459.495	5.536.459.495
- Dự án Nhiệt điện Long Phú	7.166.890.909	7.166.890.909	15.232.373.840	15.232.373.840
- Các công trình khác	19.304.336.708	19.304.336.708	27.225.022.426	27.225.022.426
	<u>57.914.514.050</u>	<u>57.914.514.050</u>	<u>70.917.745.303</u>	<u>70.917.745.303</u>

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Đà Nẵng	1.213.907.221	1.213.907.221
- Chi phí xây dựng văn phòng tại Long Phú	1.178.936.645	-
	<u>2.392.843.866</u>	<u>1.213.907.221</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

10 - TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	11.221.128.927	45.935.782.286	35.429.405.238	327.732.372	92.914.048.823
- Mua trong kỳ	-	5.606.163.636	1.819.590.000	-	7.425.753.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	(252.000.000)	-	-	(252.000.000)
Số dư cuối kỳ	11.221.128.927	51.289.945.922	37.248.995.238	327.732.372	100.087.802.459
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.956.580.568	16.090.867.065	9.792.282.626	186.116.822	32.025.847.081
- Khấu hao trong kỳ	140.264.112	2.437.153.609	1.938.223.718	30.642.258	4.546.283.697
- Thanh lý, nhượng bán	-	(81.000.000)	-	-	(81.000.000)
Số dư cuối kỳ	6.096.844.680	18.447.020.674	11.730.506.344	216.759.080	36.491.130.778
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	5.264.548.359	29.844.915.221	25.637.122.612	141.615.550	60.888.201.742
Tại ngày cuối kỳ	5.124.284.247	32.842.925.248	25.518.488.894	110.973.292	63.596.671.681

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 57.743.651.049 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.536.406.794 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

12. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong kỳ		30/06/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	78.364.849.996	78.364.849.996	118.518.867.817	88.713.198.890	108.170.518.923	108.170.518.923
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	71.986.699.591	71.986.699.591	101.326.270.732	73.116.699.591	100.196.270.732	100.196.270.732
- Huy động vốn của CBCNV	6.378.150.405	6.378.150.405	16.092.597.085	14.496.499.299	7.974.248.191	7.974.248.191
	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
b) Vay dài hạn						
Kỳ hạn dưới 12 tháng						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	8.080.392.000	8.080.392.000	-	4.275.942.000	3.804.450.000	3.804.450.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	6.857.150.000	6.857.150.000	-	3.143.300.000	3.713.850.000	3.713.850.000
- Công ty tài chính CP Sông Đà (5)	122.000.000	122.000.000	-	61.000.000	61.000.000	61.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	59.200.000	59.200.000	-	29.600.000	29.600.000	29.600.000
	1.042.042.000	1.042.042.000	-	1.042.042.000	-	-
Kỳ hạn trên 12 tháng						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (3)	12.435.003.776	12.435.003.776	5.312.000.000	1.241.634.750	16.505.369.026	16.505.369.026
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (4)	9.859.287.776	9.859.287.776	2.749.000.000	207.168.750	12.401.119.026	12.401.119.026
- Công ty tài chính CP Sông Đà (5)	1.847.500.000	1.847.500.000	2.563.000.000	513.450.000	3.897.050.000	3.897.050.000
- Ngân hàng Agribank CN Hùng Vương	207.200.000	207.200.000	-	-	207.200.000	207.200.000
	521.016.000	521.016.000	-	521.016.000	-	-
	98.880.245.772	98.880.245.772	123.830.867.817	94.230.775.640	128.480.337.949	128.480.337.949



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2015	Mục đích vay
1	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/283367/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể	Thời hạn của hợp đồng đến hết ngày 30/06/2016, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	100.196.270.732 100.196.270.732	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đông Anh Hợp đồng cấp tín dụng số 15106/HM/HĐTD.DAH ngày 29 tháng 06 năm 2015	Được quy định trong từng lần nhận nợ cụ thể	Thời gian rút vốn tín dụng tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng, thời hạn thanh toán tối đa 09 tháng áp dụng cho từng lần rút vốn	7.974.248.191 7.974.248.191	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái quy định pháp luật
Tổng cộng				108.170.518.923	



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới (VND)	Mục đích vay
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây			16.114.969.026	3.713.850.000	
	HẾTD số 01/2010/HĐ ngày 16/12/2010 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	389.150.000	389.150.000	Đầu tư 04 máy xúc bánh xích - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HẾTD số 01/2011/HĐ ngày 17/06/2011	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	177.000.000	88.000.000	Đầu tư 01 máy ủi - Nâng cao năng lực thiết bị thi công
	HẾTD số 02/2011/HĐ ngày 07/10/2011 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	2.295.000.000	900.000.000	Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2011
	HẾTD số 01/2012/HĐ ngày 26/06/2012	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	400.000.000	100.000.000	Đầu tư cho dự án đầu tư xe máy thiết bị năm 2012 - Giai đoạn 1
	HẾTD số 02/2012/HĐ ngày 29/10/2012 và phụ lục bổ sung	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	5.037.287.776	1.100.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2012 - Giai đoạn 1
	HẾTD số 02/2014/283367/HẾTD ngày 18/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.241.000.000	146.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HẾTD số 03/2014/283367/HẾTD ngày 20/11/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	3.773.700.000	960.700.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
	HẾTD số 04/2014/283367/HẾTD ngày 20/12/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	260.000.000	30.000.000	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 6
	HẾTD số 01/2015/283367/HẾTD ngày 02/02/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	854.000.000	-	Mua xe ô tô BMW 320i
	HẾTD số 02/2015/283367/HẾTD ngày 05/03/2015	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	1.687.831.250	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 7

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng	Lãi suất	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2015 (VND)	Số dư nợ gốc phải trả trong kỳ tới (VND)	Mục đích vay
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh			3.958.050.000	61.000.000	
	HỆTD số DAH-HĐCTD/14082 ngày 22/09/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	518.500.000	61.000.000	Thanh toán một phần tiền mua xe Ranger Wildtrak 3.2
	HỆTD số DAH-HĐCTD/14084 ngày 10/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	390.000.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 3
	HỆTD số DAH-HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	2.418.050.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 4
	HỆTD số DAH-HĐCTD/14108 ngày 24/10/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	42 tháng	631.500.000	-	Đầu tư dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2014 - Giai đoạn 5
5	Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà			236.800.000	29.600.000	
	HỆTD số 00200114/003/14/HỆTD ngày 16/05/2014	Được quy định trong từng thời kỳ	60 tháng	236.800.000	29.600.000	Đầu tư xe ô tô tải để nâng cao năng lực thiết bị thi công
	Tổng cộng			20.309.819.026	3.804.450.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH Đại Minh	3.996.250.516	3.996.250.516	4.421.766.520	4.421.766.520
- Công ty Cổ Phần DVC Việt Nam	8.696.455.553	8.696.455.553	15.820.081.569	15.820.081.569
- Công ty TNHH TB và PT CN DONARCO	7.469.910.000	7.469.910.000	7.450.000.000	7.450.000.000
- Công ty Cổ Phần thương mại tổng hợp Việt Hà	3.419.929.000	3.419.929.000	1.207.381.200	1.207.381.200
- Phải trả các người bán khác	7.998.937.717	7.998.937.717	6.892.684.394	6.892.684.394
	31.581.482.786	31.581.482.786	35.791.913.683	35.791.913.683

Mối quan hệ	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Cổ đông lớn	1.469.250.090	1.469.250.090	60.437.143	60.437.143
	1.469.250.090	1.469.250.090	60.437.143	60.437.143

- Công ty Cổ phần SCI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
 phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	913.214.697	4.588.381.665	2.870.000.000	-	2.631.596.362
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.819.655.670	1.979.207.670	1.900.000.000	-	2.898.863.340
Thuế Thu nhập cá nhân	-	994.579.111	276.603.168	-	-	1.271.182.279
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	286.759.450	-	-	-	286.759.450
Các loại thuế khác	-	5.190.507	-	-	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.620.419.329	-	-	-	2.620.419.329
	-	7.639.818.764	6.844.192.503	4.770.000.000	-	9.714.011.267

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	157.551.846	148.682.555
- Trích trước chi phí công trình Núi Pháo	-	3.942.212.727
- Trích trước chi phí công trình Kè Sông Hồng	-	83.333.636
- Trích trước chi phí công trình Bắc Mê	6.567.647.636	-
- Chi phí phải trả khác	188.408.866	46.590.684
	6.913.608.348	4.220.819.602

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	94.085.371	56.304.865
- Bảo hiểm xã hội	352.247.903	416.196.192
- Bảo hiểm thất nghiệp	22.736.360	10.772.282
- Phải trả Công ty TNHH Chicharuneue tại Lào	1.772.070.255	-
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	692.184.333	1.195.366.233
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	268.282.415	284.982.033
- Cổ đông nộp tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	474.750.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	439.456.262	223.623.672
	4.115.812.899	2.187.245.277

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	50.000.000.000	2.573.672.663	6.797.424.041	59.371.096.704
Lãi trong kỳ trước	-	-	2.533.587.689	2.533.587.689
Phân phối lợi nhuận	-	960.636.802	(1.772.976.429)	(812.339.627)
Số dư cuối kỳ trước	50.000.000.000	3.534.309.465	7.558.035.301	61.092.344.766
Số dư đầu kỳ này	50.000.000.000	3.534.309.465	13.167.324.506	66.701.633.971
Lãi trong kỳ này	-	-	6.995.351.287	6.995.351.287
Phân phối lợi nhuận	-	1.188.431.534	(1.822.261.686)	(633.830.152)
Giảm khác (*)	-	-	(350.600.000)	(350.600.000)
Số dư cuối kỳ nay	50.000.000.000	4.722.740.999	17.989.814.107	72.712.555.106

(*) Giảm lợi nhuận sau thuế chi phí cho hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015,
Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	7.922.876.894		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	1.188.431.534		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,00%	633.830.152		
Lợi nhuận chưa phân phối	77,00%	6.100.615.208		
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ (%)	30/06/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	5,00%	2.500.000.000	5,00%	2.500.000.000
- Ông Đào Gia Thắng	4,29%	2.144.000.000	7,26%	3.630.000.000
- Công ty Cổ phần SCI	22,90%	11.452.000.000	0,00%	-
- Các cổ đông khác	67,81%	33.904.000.000	87,74%	43.870.000.000
	100%	50.000.000.000	100%	50.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
		6 tháng đầu năm 2015 VND		6 tháng đầu năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000		50.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>		50.000.000.000		50.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>		50.000.000.000		50.000.000.000
d) Cổ phiếu				
		30/06/2015		01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		5.000.000		5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		5.000.000		5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		5.000.000		5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		5.000.000		5.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		5.000.000		5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)		10.000		10.000
d) Cổ phiếu để tạm ứng cổ tức				
		30/06/2015 VND		01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đăng ký phát hành		500.000		-
Số lượng cổ phiếu để tạm ứng cổ tức đã chốt quyền		500.000		-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)		10.000		-

Căn cứ Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20 tháng 07 năm 2015 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến công tác phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, theo đó số lượng cổ phiếu phát hành để tạm ứng cổ tức cho cổ đông hiện hữu là 500.000 cổ phiếu; ngày chốt quyền là ngày 14/5/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

e) Các quỹ công ty		<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển		4.722.740.999	3.534.309.465
		<u><u>4.722.740.999</u></u>	<u><u>3.534.309.465</u></u>
18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ngoại tệ các loại			
- Đồng Đô la Mỹ		89,29	94,73
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp		154.381.573.056	77.049.336.610
Doanh thu bán hàng hóa		3.576.701.153	5.670.327.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ		459.106.078	310.257.196
		<u><u>158.417.380.287</u></u>	<u><u>83.029.921.695</u></u>
		<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
	<u>Mối quan hệ</u>	VND	VND
Doanh thu đối với các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần SCI	Cổ đông lớn	556.454.308	-
20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
		VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp		134.037.885.347	65.355.951.459
Giá vốn của hàng hóa đã bán		3.370.217.417	5.182.302.813
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		387.379.127	310.257.196
		<u><u>137.795.481.891</u></u>	<u><u>70.848.511.468</u></u>
21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		<u>6 tháng đầu năm 2015</u>	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>
		VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay		21.735.139	21.965.349
		<u><u>21.735.139</u></u>	<u><u>21.965.349</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.009.697.521	3.023.616.535
	5.009.697.521	3.023.616.535

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	850.527.620	537.292.246
Chi phí nhân công	2.999.433.796	3.197.710.116
Chi phí khấu hao tài sản cố định	572.789.058	381.764.353
Thuế, phí, lệ phí	234.074.162	81.368.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	859.526.937	651.180.700
Chi phí khác bằng tiền	1.142.033.671	983.330.081
	6.658.385.244	5.832.645.683

24 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	56.272.727	21.250.000
Tiền thưởng mua xi măng từ CTCP Xi măng Hạ Long	-	11.965.200
Thu nhập khác	575.001	7.150.000
	56.847.728	40.365.200

25 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lãi chậm nộp bảo hiểm	21.839.541	30.078.144
	21.839.541	30.078.144



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

26 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.974.558.957	3.256.672.924
Các khoản điều chỉnh tăng	21.839.541	30.078.144
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	21.839.541	30.078.144
Thu nhập tính thuế TNDN	8.996.398.498	3.286.751.068
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	1.979.207.670	723.085.235
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	2.819.655.670	4.360.104.181
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.900.000.000)	(2.050.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.898.863.340	3.033.189.416

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.995.351.287	2.533.587.689
Các khoản điều chỉnh	(559.628.103)	-
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	(559.628.103)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.435.723.184	2.533.587.689
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.170	461

(*) Tạm trích theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận của Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, tỷ lệ trích lập Quý khen thưởng phúc lợi là 8%.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tở theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

28 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	6.995.351.287	2.533.587.689
Các khoản điều chỉnh	(559.628.103)	-
- <i>Quý khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(559.628.103)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.435.723.184	2.533.587.689
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	4.500.000	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	644	461

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.746.173.991	10.136.029.652
Chi phí nhân công	10.460.826.500	8.656.213.690
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.546.283.697	3.171.677.490
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.385.591.787	36.172.485.363
Chi phí khác bằng tiền	21.653.374.663	21.864.627.121
	124.792.250.638	80.001.033.316

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	14.022.201.795	-	15.824.868.599	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.832.684.315	(604.768.399)	112.197.738.791	(604.768.399)
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	-
	139.104.886.110	(604.768.399)	128.022.607.390	(604.768.399)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	128.480.337.949	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	35.697.295.685	37.979.158.960
Chi phí phải trả	6.913.608.348	4.220.819.602
	171.091.241.982	141.080.224.334

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.022.201.795	-	-	14.022.201.795
Phải thu khách hàng, phải thu khác	123.997.806.335	230.109.581	-	124.227.915.916
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
	138.270.008.130	230.109.581	-	138.500.117.711
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.824.868.599	-	-	15.824.868.599
Phải thu khách hàng, phải thu khác	111.396.474.202	196.496.190	-	111.592.970.392
	127.221.342.801	196.496.190	-	127.417.838.991

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2015				
Vay và nợ	111.974.968.923	16.505.369.026	-	128.480.337.949
Phải trả người bán, phải trả khác	35.697.295.685	-	-	35.697.295.685
Chi phí phải trả	6.913.608.348	-	-	6.913.608.348
	<u>154.585.872.956</u>	<u>16.505.369.026</u>	<u>-</u>	<u>171.091.241.982</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	86.445.241.996	12.435.003.776	-	98.880.245.772
Phải trả người bán, phải trả khác	37.979.158.960	-	-	37.979.158.960
Chi phí phải trả	4.220.819.602	-	-	4.220.819.602
	<u>128.645.220.558</u>	<u>12.435.003.776</u>	<u>-</u>	<u>141.080.224.334</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng số 214/SICCO-BCKQ ngày 20 tháng 07 năm 2015 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với tổng số cổ phiếu đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu, trong đó: cổ phiếu để tạm ứng cổ tức năm 2014 phát hành thành công 500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 5 tỷ đồng (được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối), cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 4.500.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 45 tỷ đồng. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán là 45 tỷ đồng.

Công ty thành lập chi nhánh Công ty Cổ phần xây dựng và đầu tư Sông Đà 9- Chi nhánh Phía Nam ngày 07/07/2015, mã số chi nhánh 0500574676-001, địa chỉ kinh doanh: Ấp Thanh Đức, xã Long Phú, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		<u>2015</u>	<u>2014</u>
		VND	VND
Góp vốn			
Công ty Cổ phần SCI	Cổ đông lớn	11.452.000.000	-
Mua hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Cổ đông lớn	1.927.076.624	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.267.773.266	530.101.045

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét. Từ năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014, Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, theo đó báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 được lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.

Do trong kỳ Công ty thực hiện phát hành 500.000 cổ phiếu để tạm ứng cổ tức từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho các Cổ đông hiện hữu theo đó Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 và Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính khi số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu.

	<u>Mã số</u>	Phân loại và trình	Đã trình bày trên
		<u>bày lại</u>	<u>báo cáo năm trước</u>
		VND	VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	461	507

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tầng 5, Toà nhà Rainbow, Khu đô thị Văn Quán,
phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN						
131	1. Phải thu khách hàng	106.234.469.109	131	1. Phải thu ngân hạn của khách hàng	106.234.469.109	-
132	2. Trả trước cho người bán	3.765.814.401	132	2. Trả trước cho người bán ngân hạn	3.765.814.401	-
135	5. Các khoản phải thu khác	2.164.690.939	136	6. Phải thu ngân hạn khác	5.766.773.492	3.602.082.553
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	3.602.082.553	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(3.602.082.553)
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	216	6. Phải thu dài hạn khác	196.496.190	196.496.190
268	3. Tài sản dài hạn khác	196.496.190	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(196.496.190)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	268	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.213.907.221	-
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	86.445.241.996	320	1. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	86.445.241.996	-
312	2. Phải trả người bán	35.791.913.683	311	2. Phải trả người bán ngân hạn	35.791.913.683	-
313	3. Người mua trả tiền trước	48.855.307.235	312	3. Người mua trả tiền trước ngân hạn	48.855.307.235	-
316	6. Chi phí phải trả	4.220.819.602	315	6. Chi phí phải trả ngân hạn	4.220.819.602	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.187.245.277	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	2.187.245.277	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	12.435.003.776	338	7. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	12.435.003.776	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	2.621.244.950	411a	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	913.064.515	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	3.534.309.465	913.064.515
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.167.324.506	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	13.167.324.506	-
			421a	- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ</i>	5.024.447.612	5.024.447.612
			421b	- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	8.142.876.894	8.142.876.894

(Signature)

Lê Thị Thu Hiền
Người lập

(Signature)

Đào Gia Thăng
Kế toán trưởng



Hoàng Công Tuấn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015